

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 1852/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 26 tháng 7 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp
nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến,
bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập
giai đoạn 2011 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-BKHCN ngày 25/3/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành chương trình hành động của Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2204/QĐ-TTg ngày 06/12/2010 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 188/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai về mục tiêu, nhiệm vụ và phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 5 năm 2011 - 2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 61/TTr-SKHCN ngày 12 tháng 7 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập giai đoạn 2011-2015”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 21/4/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Đề án phát triển Năng suất chất lượng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006 - 2015. Các văn bản, quy định trước đây trái với quyết định này không còn hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng đơn vị, cơ quan có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KHCN;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, TX.Long Khánh, TP. Biên Hòa;
- Chánh, phó VP UBND tỉnh;
- TT Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KT, CNN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Trần Văn Vĩnh

CHƯƠNG TRÌNH

**Khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh,
áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ sở hữu trí tuệ trong
quá trình hội nhập giai đoạn 2011 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 16/7/2011 của
UBND tỉnh Đồng Nai)*

Trong quá trình hội nhập nền kinh tế quốc tế, khoa học và công nghệ là một nguồn lực không thể thiếu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, là động lực của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Khoa học và công nghệ góp phần nâng cao năng suất chất lượng, tạo ra nhiều sản phẩm mới cung ứng ra thị trường và tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Trên cơ sở thực hiện Kết luận số 234-TB/TW ngày 01/4/2009 của Bộ Chính trị khóa X về báo cáo kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về khoa học và công nghệ và nhiệm vụ, giải pháp phát triển khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2020” và để thực hiện Nghị quyết số 188/2010/NQ-HĐND ngày 01/12/2010 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 5 năm 2011 - 2015, UBND tỉnh xây dựng chương trình “Khoa học và Công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập giai đoạn 2011 - 2015”.

Phần 1

CƠ SỞ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

I. CƠ SỞ THỰC TIỄN:

Theo định hướng phát triển đến năm 2015, Đồng Nai thành tỉnh cơ bản hoàn thành mục tiêu một tỉnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do đó, giai đoạn 2011 - 2015 là mốc thời gian có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà với mục tiêu phát triển ổn định và bền vững ở tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội. Với mục tiêu tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) giai đoạn 2011 - 2015 tăng bình quân từ 13% - 14%/năm, cơ cấu kinh tế đến năm 2015, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 56% - 57%, ngành dịch vụ chiếm 38% - 39%. Tạo được chính sách thu hút các ngành công nghiệp tạo ra các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao và có giá trị gia tăng cao. Xây dựng được thương hiệu sản phẩm công nghiệp Việt Nam và ưu tiên các lĩnh vực tạo sản phẩm có hàm lượng chất xám cao.

Để đạt mục tiêu đó, khoa học và công nghệ thực sự trở thành nguồn lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và tăng hàm lượng khoa học công nghệ trong chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đặc biệt là sản phẩm chủ lực của tỉnh đáp

ứng yêu cầu cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Hơn nữa, chất lượng tăng trưởng, bảo vệ môi trường, an toàn chất lượng, khai thác hiệu quả mọi nguồn lực và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế đang trở thành mối quan tâm hàng đầu của toàn xã hội. Đồng Nai là một tỉnh có nền công nghiệp lớn và có tiềm năng xuất khẩu nên việc tháo gỡ khó khăn và vướng mắc của các doanh nghiệp, tạo mọi điều kiện cho doanh nghiệp trên địa bàn phát huy mọi nguồn lực, tìm kiếm thông tin, tiếp cận điều kiện vốn để sản xuất, xuất khẩu và mở rộng thị trường được quan tâm và quán triệt thực hiện. Do đó, nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ gắn với nâng cao hiệu quả ứng dụng vào thực tiễn là nhiệm vụ đột phá giai đoạn 2011 - 2015.

Trong thời gian qua, nhiều doanh nghiệp ở Đồng Nai đã đủ sức xây dựng được thương hiệu Việt và được cộng đồng ghi nhận không chỉ trong nước mà còn thâm nhập và chiếm lĩnh thị trường ở nước ngoài và khu vực. Thành tích đó cũng là kết quả của 5 năm chương trình hỗ trợ doanh nghiệp giai đoạn 2006 - 2010 nỗ lực, đồng hành cùng với các doanh nghiệp thúc đẩy quá trình hội nhập với tinh thần chủ động và tích cực hơn. Các nội dung của chương trình 2006 - 2010 tạo được khung giải pháp hữu ích, có khả năng nhân rộng khi mà các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ phần lớn còn sử dụng công nghệ lạc hậu; hạn chế về kinh phí đầu tư thay thế và cải tiến công nghệ; hệ thống quản lý điều hành chưa đồng bộ, nhận thức về công tác tiêu chuẩn hóa, phân biệt giữa nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu còn hạn chế. Để đảm bảo việc đưa khoa học công nghệ trở thành hoạt động thường xuyên, tự giác cùng với các chương trình quốc gia đã được ban hành và tiếp nối kết quả hỗ trợ doanh nghiệp trong thời gian qua, đây là nhiệm vụ gắn kết giữa mục tiêu quốc gia và chương trình phát triển kinh tế - xã hội địa phương nhằm từng bước tăng cơ sở vật chất kỹ thuật khoa học công nghệ đáp ứng được yêu cầu phát triển, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trong giai đoạn tới.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;
2. Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;
3. Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009;
4. Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 29/11/2006;
5. Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 17/6/2010;
6. Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
7. Căn cứ Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy;
8. Căn cứ Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

9. Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 05/5/2010 của Chính Phủ về việc triển khai thực hiện Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính Phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ;
10. Căn cứ Nghị quyết số 188/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về mục tiêu, nhiệm vụ và phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 5 năm 2011 - 2015;
11. Căn cứ Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”;
12. Căn cứ Quyết định số 2204/QĐ-TTg ngày 06/12/2010 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011 - 2015;
13. Căn cứ Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020;
14. Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-TTg ngày 27/12/2007 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050;
15. Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-BKHCN ngày 25/3/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành chương trình hành động của Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011 - 2020.

Phần 2

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Góp phần thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;
2. Xác định được các khâu trọng tâm, các ngành, lĩnh vực, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh phù hợp với xu thế phát triển của quốc gia và thế giới;
3. Nhà nước tạo nền tảng, hỗ trợ cho việc nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp về phát triển năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và sở hữu trí tuệ;
4. Nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ;
5. Các nhiệm vụ thực hiện của chương trình được lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia và chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung:

- Phát huy mọi nguồn lực nhằm tạo bứt phá trong năng suất và chất lượng; xây dựng các công cụ quản lý tiên tiến, áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, các công cụ cải tiến năng suất và chất lượng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh;

- Tiếp tục nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về việc tạo lập, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ nhằm tạo động lực cho sự phát triển bền vững và khả năng cạnh tranh trong xu thế hội nhập;

- Tạo động lực thúc đẩy phát triển bền vững các ngành, nghề, lĩnh vực có tiềm năng xuất khẩu thông qua việc hỗ trợ một phần kinh phí để góp phần giúp doanh nghiệp mở rộng sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn;

- Tạo chuyển biến về năng suất và chất lượng của sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp trên địa bàn.

2. Mục tiêu cụ thể: Phần đầu đến năm 2015:

- Đạt 80% yêu cầu nâng cao nhận thức theo từng hoạt động thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ về sở hữu trí tuệ, hệ thống quản lý tiên tiến và sử dụng tiết kiệm năng lượng cho các doanh nghiệp.

- Có ít nhất 20 sản phẩm chủ lực ở địa phương có chất lượng phù hợp theo các tiêu chuẩn quốc tế hoặc được chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy và chứng nhận quốc tế khác, nhất là phù hợp tiêu chuẩn khi xuất khẩu sang nước sở tại.

- Có 50 doanh nghiệp xây dựng và áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý.

- Có 20 doanh nghiệp thực hiện kiểm toán năng lượng, xây dựng và áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng đảm bảo kết quả tiết kiệm được tối thiểu 10% năng lượng tiêu thụ.

- Đáp ứng yêu cầu hỗ trợ về phát triển tài sản trí tuệ đối với sản phẩm là đặc sản của địa phương hay các kết quả nghiên cứu khoa học phục vụ cho nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.

- Hướng dẫn và hỗ trợ đăng ký bảo hộ cho khoảng 230 đơn vị, doanh nghiệp (trong đó có khoảng 200 nhãn hiệu, nhãn hiệu tập thể trong nước, 5 nhãn hiệu đăng ký ra nước ngoài, 15 kiểu dáng công nghiệp, 10 sáng chế/giải pháp hữu ích) và 25 website.

- Có 20 doanh nghiệp lập dự án đầu tư, tư vấn đổi mới trang thiết bị, công nghệ nhằm hướng tới quy trình sản xuất sạch và ngày càng ổn định về chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường.

- Từng bước quy hoạch, nâng cấp hoạt động thử nghiệm, thí nghiệm của tỉnh được công nhận ISO/IEC 17025. Đến năm 2015, có 8 phòng thử nghiệm của tỉnh được công nhận ISO/IEC 17025 nhằm đáp ứng yêu cầu kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc các lĩnh vực như: Khoa học

và công nghệ, xây dựng, giao thông vận tải, môi trường, trang thiết bị chuẩn, y tế, nông nghiệp và phát triển nông thôn, an toàn lao động...

III. YÊU CẦU

1. Đưa được các tiến bộ và ứng dụng khoa học và công nghệ vào phục vụ nhu cầu phát triển bền vững của doanh nghiệp trên địa bàn, thực hiện thành công mục tiêu phát triển của tỉnh nhà và hình thành phong trào nâng cao năng suất chất lượng rộng khắp trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

2. Thành lập các tổ chức đánh giá sự phù hợp tại địa phương phục vụ công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Triển khai đồng bộ từng nội dung của chương trình trên cơ sở có đánh giá, rút kinh nghiệm, có áp dụng thí điểm và nhân rộng mô hình để triển khai có hiệu quả các giai đoạn tiếp theo. Có tổng hợp, khảo sát, điều tra và thu thập dữ liệu để làm cơ sở đề xuất các giải pháp hỗ trợ hữu ích theo từng kết quả sơ kết, tổng kết của chương trình.

4. Công tác hỗ trợ cho doanh nghiệp phải đáp ứng nhu cầu, thực trạng và năng lực của chính mỗi doanh nghiệp để thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa và sức cạnh tranh trên thị trường.

5. Thực hiện xét thứ tự hỗ trợ ưu tiên theo từng khu vực và nội dung của chương trình nhằm mục tiêu tạo động lực cho xu hướng phát triển chung của nền kinh tế của tỉnh nhà trong giai đoạn 2011 - 2015.

IV. ĐỐI TƯỢNG THAM GIA VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Tất cả các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp Việt Nam đóng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đều được đăng ký tham gia chương trình, trong đó ưu tiên cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt sản xuất và kinh doanh thuộc các ngành, lĩnh vực sau:

- Nhóm sản phẩm vật liệu xây dựng (cát, đá, gạch, ngói....)
- Nhóm sản phẩm gốm, sứ, gạch men (gốm mỹ nghệ, sứ dân dụng và công nghiệp, gạch men)
- Nhân hạt điều và các loại hạt khác
- Thức ăn chăn nuôi
- Bột ngọt
- Vải sợi
- Quần áo may sẵn và sản xuất phụ kiện
- Giày dép và sản xuất phụ kiện
- Hóa dược và nông dược (cho người và động thực vật)
- Nhựa và sản phẩm từ nhựa
- Máy móc thiết bị nông nghiệp (máy nổ diesel, máy công tác)

- Ôtô, xe máy và sản xuất linh kiện, phụ tùng
- Dây và cáp điện các loại
- Máy móc thiết bị điện công nghiệp (máy biến thế, động cơ điện...)
- Sản xuất linh kiện điện tử và máy móc thiết bị điện tử tin học, viễn thông
- Sản phẩm chế biến từ gỗ các loại

2. Chương trình bắt đầu áp dụng từ năm 2011 đến hết ngày 31/12/2015.

Phần 3

NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Biên soạn, in ấn phát hành tài liệu cho các đối tượng doanh nghiệp về công tác tiêu chuẩn hóa, giải thưởng chất lượng, công cụ quản lý tiên tiến, bảo hộ sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước, giải pháp tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và kinh doanh...

2. Tổ chức phổ biến trên các phương tiện truyền thông như Báo Đồng Nai; Đài Phát thanh Truyền hình Đồng Nai; bản tin, chuyên san và các trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Xây dựng cổng thông tin điện tử về hàng rào kỹ thuật trong thương mại và tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

II. TỔ CHỨC HƯỚNG DẪN, ĐÀO TẠO VÀ TẬP HUẤN

1. Tổ chức tọa đàm, hội thảo về các hệ thống quản lý tiên tiến; các quy định về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ về quản lý, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ và sử dụng tiết kiệm năng lượng cho các cán bộ thuộc cơ quan nhà nước đảm bảo thực thi về sở hữu trí tuệ, công nghệ và quản lý chất lượng.

3. Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức về việc áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, sở hữu trí tuệ, tiết kiệm năng lượng,... cho các doanh nghiệp.

4. Tổ chức các khóa đào tạo về chuyên gia đánh giá nội bộ các hệ thống quản lý tiên tiến và các công cụ quản lý tiên tiến; kỹ năng về quản lý và điều hành doanh nghiệp; cán bộ kiểm toán năng lượng, chuyên gia quản lý tiết kiệm năng lượng.

5. Xây dựng được nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, đủ năng lực để tư vấn năng suất chất lượng, tập trung cho các sản phẩm chủ lực cho tỉnh.

III. HỖ TRỢ XÂY DỰNG VÀ ÁP DỤNG CÁC HỆ THỐNG QUẢN LÝ TIÊN TIẾN VÀ ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC TIÊU CHUẨN HÓA, CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

1. Mục tiêu

- Nâng cao nhận thức về các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến theo các tiêu chuẩn như ISO 9001, ISO 140001, TQM, ISO/IEC 27001...cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm tạo ra sự chuyển biến về nhận thức và quan điểm để triển khai và áp dụng thực hiện.

- Giúp cho các doanh nghiệp nắm vững và hiểu rõ được tầm quan trọng trong việc áp dụng các công cụ quản lý cải tiến năng suất chất lượng, công tác tiêu chuẩn hóa cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh khi Việt Nam chính thức là thành viên của WTO.

- Áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến trong các hoạt động doanh nghiệp góp phần bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng, bảo vệ sức khỏe của người lao động, nâng cao trách nhiệm của mình đối với xã hội và xây dựng hệ thống an ninh thông tin trong hoạt động điều hành công việc trở nên phổ biến.

- Đánh giá được hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua việc tham gia các Giải thưởng chất lượng hàng năm do Trung ương và địa phương tổ chức phát động, đây là hoạt động nhằm giúp cho doanh nghiệp đánh giá lại hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, tìm ra được giải pháp cải tiến hoạt động quản lý và nâng cao năng suất chất lượng tại doanh nghiệp.

2. Nội dung hỗ trợ

- Xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến và các công cụ cải tiến năng suất chất lượng đáp ứng theo yêu cầu phát triển của doanh nghiệp và nhân rộng việc cải tiến liên tục hệ thống quản lý chất lượng và điều hành tại doanh nghiệp như ISO 9001, ISO 14001, ISO/IEC 27001, ISO 22000, ISO 26000, 5S, Kaizen, SA 8000, ISO 9004, hệ thống ERP (hoạch định nguồn lực doanh nghiệp), GAP (thực hành sản xuất nông nghiệp tốt)

- Xây dựng và áp dụng quy chuẩn địa phương cho các sản phẩm đặc thù, chủ lực của tỉnh khi chưa có tiêu chuẩn quốc gia.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm có thể mạnh, chủ lực và mang tính đặc thù của tỉnh Đồng Nai.

- Triển khai đánh giá sự phù hợp của chất lượng sản phẩm với TCVN, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn khu vực, quy chuẩn địa phương cho hàng hóa xuất khẩu và tiêu thụ trong nước nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm trong và ngoài nước.

- Thực hiện chứng nhận sản phẩm, hàng hóa an toàn cho các sản phẩm trong danh mục bắt buộc và các sản phẩm xuất khẩu của tỉnh.

3. Cơ chế hỗ trợ

a) Hỗ trợ xây dựng các hệ thống quản lý tiên tiến, các công cụ cải tiến năng suất chất lượng và tham gia giải thưởng chất lượng quốc gia: Mức hỗ trợ áp dụng như sau:

- Hệ thống quản lý an ninh thông tin ISO/IEC 27001, GlobalGAP, hệ thống quản lý chất lượng toàn diện TQM: 50% kinh phí thực hiện nhưng không quá 60 triệu đồng.

- Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001; hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, hệ thống quản lý liên quan đến trách nhiệm xã hội ISO 26000, SA 8000; hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001; hệ thống quản lý phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn ISO/IEC 17025; tiêu chuẩn quốc tế về quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18000; VietGAP, tiêu chuẩn ISO 9004: 50% kinh phí thực hiện nhưng không quá 50 triệu đồng.

- Các công cụ khác như Kaizen, 07 công cụ thống kê, 5S,... : 50% kinh phí thực hiện nhưng không quá 20 triệu đồng.

- Hỗ trợ cho các doanh nghiệp đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia: 25 triệu đồng (doanh nghiệp, dịch vụ lớn) và 20 triệu đồng (doanh nghiệp, dịch vụ vừa và nhỏ).

- Thực hiện kiểm toán năng suất chất lượng và xây dựng các giải pháp cải tiến năng suất chất lượng cho doanh nghiệp: 50% kinh phí thực hiện của doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng.

b) Hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật

- Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm, hàng hóa chủ lực của địa phương: 50% kinh phí xây dựng nhưng không quá 20 triệu đồng.

- Đánh giá hợp chuẩn, hợp quy cho các sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh: 50% kinh phí thực hiện nhưng không quá 10 triệu đồng.

- Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật là sản phẩm đặc thù, chủ lực của tỉnh: 50% kinh phí xây dựng nhưng không quá 30 triệu đồng.

- Thiết lập kế hoạch đảm bảo chất lượng của doanh nghiệp phù hợp và tuân thủ theo tiêu chuẩn đã đề ra: 50% kinh phí thực hiện nhưng không quá 10 triệu đồng.

IV. HỖ TRỢ BẢO HỘ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

1. Mục tiêu

- Tiếp tục nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân về tạo, lập, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ.

- Góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp Việt Nam ở Đồng Nai thông qua việc hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp, trong đó ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm chiến lược, chủ lực, đặc thù, có tiềm năng xuất khẩu.

2. Nội dung hỗ trợ

- Khảo sát nhu cầu và năng lực thông qua việc rà soát các doanh nghiệp đã đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, doanh nghiệp đang có nhu cầu đăng ký bảo hộ và

chưa đăng ký bảo hộ. Từ đó, có cách tiếp cận và hỗ trợ các doanh nghiệp đăng ký thực hiện và duy trì việc bảo hộ tài sản sở hữu trí tuệ.

- Xây dựng và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu về sở hữu trí tuệ bao gồm các văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ; các hiệp định, công ước, thỏa ước quốc tế liên quan đến sở hữu trí tuệ... để cung cấp các thông tin cần thiết giúp doanh nghiệp xác lập, khai thác bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ ở trong nước và nước ngoài.

- Duy trì chuyên mục thông tin chuyên đề về sở hữu trí tuệ trên tạp san khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai.

- Xây dựng và duy trì chuyên mục hỏi đáp về sở hữu trí tuệ nhằm tuyên truyền và phổ biến rộng rãi các kiến thức cơ bản và quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ đến các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ xây dựng, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích.

- Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ đối với thành quả sáng tạo khoa học công nghệ: Khuyến khích lao động sáng tạo trong doanh nghiệp; đưa thông tin sở hữu trí tuệ vào hoạt động nghiên cứu, sáng tạo khoa học công nghệ; xác lập, khai thác và bảo vệ tài sản trí tuệ đối với sản phẩm sáng tạo khoa học công nghệ.

- Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng website nhằm quảng bá và giới thiệu hình ảnh của doanh nghiệp.

3. Cơ chế hỗ trợ

a) Hỗ trợ trực tiếp:

- Sáng chế/giải pháp hữu ích: Chỉ hỗ trợ cho các sáng chế/giải pháp hữu ích đăng ký trong nước cho các cá nhân và doanh nghiệp Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, ưu tiên hỗ trợ các giải pháp đoạt giải Hội thi sáng tạo kỹ thuật hàng năm

- + Tư vấn tra cứu thông tin, viết bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích: Hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/hợp đồng.

- + Hỗ trợ 100% lệ phí nộp đơn quốc gia sáng chế/giải pháp hữu ích theo quy định của pháp luật hiện hành (Thông tư số 22/2009/TT-BTC ngày 4/02/2009 của Bộ Tài chính): Khoảng 2 triệu đồng.

- Kiểu dáng công nghiệp: Chỉ hỗ trợ cho các kiểu dáng công nghiệp đăng ký trong nước và cho các cá nhân, doanh nghiệp Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- + Tư vấn nghiên cứu thiết kế: Hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/hợp đồng.

- + Hỗ trợ 100% lệ phí nộp đơn quốc gia kiểu dáng công nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành (Thông tư số 22/2009/TT-BTC ngày 4/02/2009 của Bộ Tài chính): Khoảng 1,5 triệu đồng.

+ Riêng đối với các kiểu dáng có nhiều phương án thì mức hỗ trợ tối đa là 1 kiểu dáng công nghiệp và 2 phương án: Khoảng 3,5 triệu đồng.

- Nhãn hiệu hàng hóa:

Đối với đăng ký nhãn hiệu trong nước: Mức hỗ trợ tối đa cho một doanh nghiệp là 8,5 triệu đồng/đối tượng sở hữu công nghiệp. Trong đó:

+ Tư vấn nghiên cứu thiết kế: Hỗ trợ tối đa 5 triệu đồng/hợp đồng.

+ Hỗ trợ 100% lệ phí nộp đơn quốc gia cho mỗi nhãn hiệu hàng hóa đăng ký cho một sản phẩm (Thông tư số 22/2009/TT-BTC ngày 04/02/2009 của Bộ Tài chính): Khoảng 1,2 triệu đồng.

+ Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ tối đa 3 nhãn hiệu hàng hóa, mỗi nhãn cho một sản phẩm (hoặc tối đa nhãn hiệu hàng hóa cho 5 nhóm sản phẩm): Khoảng 3,5 triệu đồng.

Đối với đăng ký nhãn hiệu ngoài nước: Hỗ trợ 15 triệu đồng cho 1 nhãn hiệu tại một quốc gia. Trong trường hợp nhãn hiệu đăng ký theo hệ thống cộng đồng (một đơn đăng ký nhiều quốc gia) chỉ hỗ trợ theo số lượng đầu đơn: 15 triệu đồng/đầu đơn.

- Hỗ trợ nghiên cứu, tạo lập, quản lý và phát triển đối với các sản phẩm đặc thù của địa phương: Mức kinh phí hỗ trợ dựa trên kết quả thẩm định của Hội đồng khoa học và công nghệ.

- Xây dựng website: Thiết kế và xây dựng website (mỗi doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ cho 1 website): 50% giá trị hợp đồng nhưng không quá 50 triệu đồng.

b) Đối với hỗ trợ gián tiếp: Bên cạnh hỗ trợ trực tiếp, các doanh nghiệp được nhận thêm hỗ trợ miễn phí:

- Tư vấn, hướng dẫn thiết lập hồ sơ, tra cứu sơ bộ về các đối tượng sở hữu công nghiệp trước khi đăng ký bảo hộ;

- Hướng dẫn lựa chọn các đại diện sở hữu công nghiệp có uy tín;

- Hỗ trợ quảng bá các nhãn hiệu hàng hóa đã được cấp văn bằng bảo hộ;

- Cung cấp các tài liệu có liên quan khác.

V. HỖ TRỢ NGHIÊN CỨU, ĐẦU TƯ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ, THỰC HIỆN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

1. Mục tiêu

- Hỗ trợ doanh nghiệp tăng cường nghiên cứu đầu tư, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, tiết kiệm năng lượng là hoạt động nhằm hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia chương trình nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh, hoạt động điều hành trong doanh nghiệp nhằm góp phần thực hiện thành công mục tiêu nhiệm vụ phát triển của tỉnh.

- Tăng cường năng lực ứng dụng và khai thác công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành, quảng bá thương hiệu và tăng sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu các công nghệ mới cũng như chuyển giao các công nghệ tiên tiến hiện đại nhằm tạo ra sản phẩm mới với chất lượng tốt hơn, tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp.

- Nâng cao nhận thức, hiểu biết về tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực tiết kiệm năng lượng của các doanh nghiệp sản xuất cũng như các nhà cung cấp vốn đầu tư.

- Nâng cao năng lực sản xuất, hiệu suất sử dụng năng lượng cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, qua đó nâng cao trình độ công nghệ và tính cạnh tranh của ngành công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao ý thức tiêu thụ các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, bảo hộ và quảng bá các sản phẩm tiết kiệm năng lượng hữu ích.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, cải tiến, đổi mới công nghệ và hỗ trợ chi phí chuyển giao công nghệ:

- Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, nghiên cứu cải tiến, đổi mới thiết bị công nghệ; nghiên cứu chế tạo nguyên vật liệu mới, sử dụng nguyên vật liệu trong nước thay cho nhập khẩu; nghiên cứu ứng dụng khoa học vào sản xuất, kinh doanh.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hỗ trợ tư vấn khoa học công nghệ thực hiện các biện pháp nghiên cứu đổi mới công nghệ, cơ khí hóa, tự động hóa và áp dụng các công nghệ mới, tiên tiến, tăng cường các hoạt động về chuyển giao công nghệ, nhằm từng bước đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp.

- Hỗ trợ cho các doanh nghiệp về tư vấn ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào trong thực tế sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích các hoạt động nghiên cứu triển khai do doanh nghiệp tự thực hiện, hoặc ký hợp đồng với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước.

- Hỗ trợ chi phí chuyển giao công nghệ mới cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn như chuyển giao mới máy móc thiết bị, công nghệ, bí quyết, các phần mềm quản lý, các hệ thống bảo mật và an toàn thông tin cho các doanh nghiệp...

- Phát triển các hoạt động dịch vụ tư vấn khoa học và công nghệ, tư vấn quản lý khoa học công nghệ, tư vấn quản lý kinh doanh...

- Tư vấn cho doanh nghiệp lựa chọn giải pháp, chuyển giao và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hỗ trợ xây dựng và phát triển các hệ thống website giới thiệu và quảng bá thương hiệu, quảng bá sản phẩm; xúc tiến phát triển các sản phẩm giao dịch thương mại điện tử của các doanh nghiệp, xúc tiến các hoạt động giao dịch thương mại điện tử cho doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện tiết kiệm năng lượng:

- Lựa chọn và tiến hành kiểm toán năng lượng cho một số cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh (sản xuất thép, lò gạch, lò hơi....).

- Cung cấp những chính sách, những quy định của nhà nước về lĩnh vực tiết kiệm năng lượng; những thông tin khoa học công nghệ về tiết kiệm năng lượng để giúp doanh nghiệp sớm tiếp cận với công nghệ mới, phù hợp theo điều kiện sản xuất tại doanh nghiệp và sử dụng năng lượng hiệu quả.

- Tư vấn các giải pháp kỹ thuật hoặc quản lý cho từng doanh nghiệp trên cơ sở điều kiện thực tế của mỗi đơn vị.

3. Cơ chế hỗ trợ

a) Hỗ trợ nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, cải tiến, đổi mới công nghệ và hỗ trợ chi phí chuyển giao công nghệ

- Thực hiện nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, nghiên cứu cải tiến và đổi mới thiết bị công nghệ; nghiên cứu chế tạo nguyên vật liệu mới hoặc sử dụng nguyên vật liệu trong nước thay cho nhập khẩu; nghiên cứu ứng dụng khoa học vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; nghiên cứu thực hiện các dự án sản xuất sạch hơn: Hỗ trợ 30% tổng kinh phí nghiên cứu, thực hiện dự án, đề tài nghiên cứu nhưng tổng kinh phí hỗ trợ tối đa 350 triệu đồng.

- Chi phí chuyển giao công nghệ (tiên tiến hơn so với công nghệ cũ): Hỗ trợ 30% cho một lần nghiên cứu xây dựng đề án, dự án (bao gồm cả tư vấn) chuyển giao công nghệ mới nhưng kinh phí hỗ trợ cho một doanh nghiệp không quá 100 triệu đồng/năm.

- Chi phí tư vấn lập dự án đầu tư, tư vấn đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ: Hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 40 triệu đồng.

- Tư vấn ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào thực tế sản xuất, kinh doanh: Hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 40 triệu đồng

- Thực hiện chuyển giao và áp dụng các phần mềm quản lý công nghệ thông tin (mỗi doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ 1 lần): Hỗ trợ 50% tổng giá trị hợp đồng nhưng không quá 50 triệu đồng.

b) Hỗ trợ thực hiện tiết kiệm năng lượng

- Xây dựng, ứng dụng giải pháp tiết kiệm năng lượng trong sản xuất, kinh doanh: Hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/doanh nghiệp.

- Thực hiện kiểm toán năng lượng và lập báo cáo khả thi đề xuất các giải pháp kỹ thuật cần thiết để thực hiện tiết kiệm năng lượng: Hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/doanh nghiệp.

- Cho vay với lãi suất ưu đãi từ Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ của tỉnh.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỦ YẾU

1. Đào tạo và phát huy nguồn nhân lực thực hiện đồng bộ theo các nội dung của chương trình đã đề ra.

2. Thực hiện đồng bộ các nội dung chương trình, trong đó trọng điểm là nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ cho các lĩnh vực ưu tiên liên quan đến việc thực hiện tiết kiệm năng lượng, đảm bảo an toàn, môi trường và các sản phẩm, hàng hóa có hàm lượng công nghệ cao.

3. Huy động nguồn vốn đầu tư của chính các doanh nghiệp: Phối hợp Sở Tài chính hướng dẫn doanh nghiệp quản lý và sử dụng Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ do doanh nghiệp thiết lập theo Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 09/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập, tổ chức, hoạt động, quản lý và sử dụng Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ của doanh nghiệp.

4. Tạo dựng được nguồn cơ sở dữ liệu hữu ích về các chính sách, cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp.

Phần 4

KINH PHÍ THỰC HIỆN

I. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguồn kinh phí và kinh phí thực hiện

- Hàng năm, định kỳ vào tháng 10, trên cơ sở tổng hợp về nhu cầu hỗ trợ của các doanh nghiệp, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ lập kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện của chương trình.

- Nguồn kinh phí thực hiện chương trình:

+ Nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh được phân bổ trong tổng kinh phí giao cho Sở Khoa học và Công nghệ hàng năm;

+ Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ của tỉnh;

+ Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ của doanh nghiệp;

+ Nguồn hỗ trợ của Trung ương từ các chương trình quốc gia.

2. Nguyên tắc sử dụng kinh phí:

- Áp dụng và sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng theo nội dung, mục tiêu và đối tượng theo chương trình đã được phê duyệt.

- Trường hợp doanh nghiệp tự hủy bỏ hợp đồng không có lý do chính đáng (không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền) thì phải hoàn trả 100% kinh phí

đã được hỗ trợ hoặc không thực hiện hợp đồng đã được ký kết vì lý do bất khả kháng sẽ do Sở Khoa học và Công nghệ xem xét và giải quyết từng trường hợp cụ thể.

- Áp dụng một lần hỗ trợ cho 1 doanh nghiệp trong một năm

II. PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ

1. Hồ sơ đăng ký tham gia

- Phiếu đăng ký tham gia chương trình, có xác nhận của cơ quan chủ quản (nếu có) (theo mẫu);
- Giấy đăng ký kinh doanh/ giấy phép đầu tư (bản sao)
- Bản thuyết minh đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp

2. Hồ sơ quyết toán kinh phí:

- Áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến: Hợp đồng trách nhiệm hỗ trợ, hợp đồng tư vấn (nếu có), hợp đồng đánh giá chứng nhận, giấy xác nhận kết quả đạt được của cơ quan quản lý/tổ chức có thẩm quyền (bản sao), biên bản thanh lý hợp đồng trách nhiệm và hóa đơn chứng từ hợp lệ.

- Đạt giải thưởng chất lượng, đánh giá sự phù hợp và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở: Hợp đồng trách nhiệm, biên bản thanh lý hợp đồng trách nhiệm, báo cáo kết quả thực hiện và giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc quyết định công bố của cơ quan chủ quản.

- Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa trong nước: Toàn bộ hồ sơ đăng ký theo quy định (bản sao), hợp đồng và thanh lý thực hiện đăng ký các đối tượng sở hữu công nghiệp, biên nhận đơn của Cục Sở hữu Trí tuệ và hóa đơn chứng từ hợp lệ.

- Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa ngoài nước: Toàn bộ hồ sơ đăng ký theo quy định (bản sao), hợp đồng và thanh lý thực hiện đăng ký các đối tượng sở hữu công nghiệp, biên nhận đơn của Cục Sở hữu Trí tuệ hoặc của nước tiếp nhận đơn đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp và hóa đơn chứng từ hợp lệ.

- Nghiên cứu sản phẩm mới; đổi mới, chuyển giao công nghệ và thực hiện giải pháp tiết kiệm năng lượng: Hợp đồng trách nhiệm, biên bản thanh lý hợp đồng trách nhiệm, báo cáo kết quả thực hiện hoặc dự án đầu tư, biên bản giám định, biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện.

3. Phương thức hỗ trợ:

- Áp dụng một lần hỗ trợ cho 1 hồ sơ đăng ký tham gia chương trình sau khi có hồ sơ đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ hợp lệ.

- Khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam tham gia cùng lúc các nội dung hỗ trợ khác nhau của chương trình, nâng cao năng lực quản lý điều hành và áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng sẽ áp dụng mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/năm.

- Doanh nghiệp được tiếp tục tham gia chương trình lần sau và kế tiếp trong giai đoạn 2011 - 2015 khi nội dung đăng ký hỗ trợ không trùng nhau của mỗi năm tham gia.

Phần 5

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa chủ động xây dựng kế hoạch, nội dung, hạng mục, kinh phí thực hiện của chương trình để triển khai thực hiện hàng năm nhằm đảm bảo đúng tiến độ, nội dung và đạt hiệu quả cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chủ trì phối hợp với các tổ chức trong và ngoài nước đề xuất các chuyến khảo sát, học tập và trao đổi kinh nghiệm.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành thực hiện công tác khảo sát, đánh giá thực trạng năng suất chất lượng trên địa bàn, tổng hợp thông tin cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tích hợp trong cổng thông tin điện tử về hàng rào kỹ thuật trong thương mại và tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan về nội dung hỗ trợ nâng cao trình độ quản lý doanh nghiệp, áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến, sở hữu trí tuệ, công tác tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng cho các tổ chức, doanh nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng và thực hiện nội dung hỗ trợ tiết kiệm năng lượng, thiết kế sản phẩm, đổi mới công nghệ, thiết bị, quy trình sản xuất và áp dụng những kỹ thuật giống mới trong sản xuất của các doanh nghiệp Việt Nam.

- Công bố, phổ biến chương trình này trên các phương tiện thông tin đại chúng đến các doanh nghiệp. Tổ chức hướng dẫn thủ tục cho các doanh nghiệp có nhu cầu tham gia chương trình.

- Hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ của các doanh nghiệp theo nội dung của chương trình đã được phê duyệt và giám sát tiến độ thực hiện theo từng giai đoạn.

- Quản lý và hỗ trợ doanh nghiệp trong việc thành lập Hội đồng Khoa học và Công nghệ đánh giá, nghiệm thu các đề tài dự án thuộc Quỹ Khoa học và Công nghệ của doanh nghiệp.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết và đánh giá kết quả hỗ trợ của chương trình.

- Tổng hợp, sử dụng và quyết toán kinh phí chương trình hỗ trợ doanh nghiệp giai đoạn 2011 - 2015 theo chế độ tài chính quy định hiện hành của nhà nước.

2. Sở Tài chính:

- Thẩm định và trình UBND tỉnh phân bổ dự toán kinh phí thực hiện chương trình trong nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được giao hàng năm.

- Hướng dẫn thực hiện thanh quyết toán kinh phí thực hiện chương trình theo quy định hàng năm.

- Tham mưu UBND tỉnh về việc bố trí nguồn vốn ban đầu cho Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ của tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Cung cấp thông tin về môi trường kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội và định hướng đầu tư trên địa bàn tỉnh cho doanh nghiệp khi có nhu cầu.

4. Sở Tư pháp: Tuyên truyền, phổ biến và hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp theo từng nội dung của chương trình.

5. Liên minh các Hợp tác xã: Có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện chương trình trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn.

6. Sở Công Thương:

- Có trách nhiệm phối hợp với Sở, ngành liên quan xem xét và thực hiện các nội dung hỗ trợ thuộc phạm vi của chương trình.

- Tuyên truyền, phổ biến và cung cấp thông tin cần thiết; đồng thời thực hiện hỗ trợ cho các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

7. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Có trách nhiệm phối hợp với Sở, ngành liên quan xem xét và thực hiện các nội dung hỗ trợ thuộc phạm vi của chương trình.

- Tuyên truyền, phổ biến và cung cấp các thông tin cần thiết, hỗ trợ cho các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tuyên truyền, phổ biến, cung cấp thông tin và có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành có liên quan xem xét và thực hiện các nội dung hỗ trợ thuộc phạm vi của chương trình thuộc phạm vi quản lý.

- Kịp thời hướng dẫn, đôn đốc các phòng thí nghiệm, thử nghiệm do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quản lý nghiêm túc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.

9. Sở Y tế:

- Tuyên truyền, phổ biến, cung cấp thông tin và có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành liên quan xem xét và thực hiện các nội dung hỗ trợ thuộc phạm vi của chương trình thuộc phạm vi quản lý.

- Kịp thời hướng dẫn, đôn đốc các phòng thí nghiệm, thử nghiệm do Sở Y tế quản lý nghiêm túc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.

10. Ban Quản lý các Khu công nghiệp:

- Có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành có liên quan xem xét và thực hiện các nội dung hỗ trợ thuộc phạm vi của chương trình.

- Tuyên truyền, phổ biến, cung cấp thông tin về nhu cầu hỗ trợ của các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

11. Báo Đồng Nai, Đài Phát thanh Truyền hình Đồng Nai: Đảm bảo công tác thông tin tuyên truyền và phổ biến các nội dung liên quan của chương trình hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn 2011-2015.

12. Các Sở, ban, ngành khác có liên quan và UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa:

- Cung cấp thông tin, khảo sát nhu cầu cần hỗ trợ của các doanh nghiệp theo các nội dung của chương trình.

- Có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực do mình quản lý để đăng ký tham gia chương trình, gắn kết các hoạt động của doanh nghiệp với sự phát triển kinh tế - xã hội và phong trào năng suất chất lượng của tỉnh nhà.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở tình hình thực tiễn tại địa phương, giao Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch và định mức kinh phí hỗ trợ hàng năm để đảm bảo theo yêu cầu và mục tiêu của chương trình đã đề ra.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan liên quan báo cáo kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và nghiên cứu đề xuất UBND sửa đổi, bổ sung theo nhu cầu thực tế phát sinh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Vĩnh

PHỤ LỤC 1

PHIẾU ĐĂNG KÝ

THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

(Đính kèm theo Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2011 của
UBND tỉnh Đồng Nai)

Tên đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

E-mail:.....

Ngành nghề kinh doanh:.....

Sản phẩm, dịch vụ:.....

GPĐKKD/GPĐT số:...../ Cơ quan cấp:.....

Tài khoản ngân hàng:.....

Họ tên và địa chỉ người liên lạc:.....

Nhân sự:

- Số lượng:.....
- Trên đại học:.....
- Đại học:.....
- Cao đẳng:.....
- Trung cấp:.....
- Nhân viên:.....

Đăng ký tham gia chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ cho doanh nghiệp:

.....
.....
.....
.....

Nếu được hỗ trợ theo nội dung của chương trình, chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ nội dung đã đăng ký nêu trên

Kết thúc nội dung đăng ký thực hiện trước ngày tháng năm 20.....

Xin đính kèm theo phiếu đăng ký:

1. Giấy đăng ký kinh doanh/ giấy phép đầu tư (bản sao)
2. Bản thuyết minh nội dung đề nghị hỗ trợ

....., ngày tháng năm.....

Đại diện doanh nghiệp

(Ký tên và đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Phiếu đăng ký xin gửi về:

Sở Khoa học và Công nghệ - Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
1597 (số cũ 260) Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất, Biên Hòa, Đồng Nai

PHỤ LỤC 2
KẾ HOẠCH DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP
(Đính kèm theo Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán kinh phí thực hiện					
		2011	2012	2013	2014	2015	CỘNG
1	Tuyên truyền, tập huấn, đào tạo	<u>200</u>	<u>200</u>	<u>200</u>	<u>200</u>	<u>200</u>	1,000
2	Áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến và xây dựng tiêu chuẩn	<u>787</u>	<u>787</u>	<u>787</u>	<u>787</u>	<u>787</u>	3,935
	- Áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến	600	600	600	600	600	
	- Giải thưởng chất lượng quốc gia	102	102	102	102	102	
	- Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, quy chuẩn kỹ thuật địa phương	60	60	60	60	60	
	- Đánh giá sự phù hợp, kế hoạch đảm bảo chất lượng	25	25	25	25	25	
3	Bảo hộ sở hữu trí tuệ	<u>385</u>	<u>385</u>	<u>385</u>	<u>385</u>	<u>385</u>	1,925
	- Đăng ký xác lập quyền sáng chế và giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp	30	35	35	35	35	
	- Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa (trong và ngoài nước)	300	300	300	300	300	
	- Xây dựng website	50	50	50	50	50	
4	Nghiên cứu sản phẩm mới, đổi mới công nghệ và tiết kiệm năng lượng	<u>800</u>	<u>900</u>	<u>900</u>	<u>900</u>	<u>900</u>	4,400
	- Chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ	150	150	150	150	150	
	- Nghiên cứu sản phẩm mới, ứng dụng tiến bộ KHCN	250	250	250	250	250	
	- Thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng	400	500	500	500	500	
	TỔNG CỘNG	2,172	2,272	2,272	2,272	2,272	11,260